

**Bản án số: 102/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 15/8/2022

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Vũ Linh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Lý.

2. Bà Võ Thị Bời.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Hồ Thị Thu – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa:**  
Bà Phan Thị Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 990/2021/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 12 năm 2021 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27/7/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà **Trần Thị Ngọc H - sinh năm: 1976.**

Địa chỉ: 62/32 Đồng N, P Hải, Nha Trang, Khánh Hòa.

Có mặt.

Bị đơn: ông **Hồ Xuân B - sinh năm: 1971.**

Địa chỉ: 62/32 Đồng N, P Hải, Nha Trang, Khánh Hòa.

Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn – bà Trần Thị Ngọc H trình bày:** Bà và ông Hồ Xuân B tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Phương S, Nha Trang, Khánh Hòa vào năm 1999. Trong thời gian chung sống, ông B không có trách nhiệm với vợ con, đi làm đưa lương về cho bà hàng tháng từ 2.000.000đ đến 3.000.000đ nhưng bà phải đưa lại cho ông B tiền sinh hoạt hàng ngày, ngoài ra ông B thường xuyên uống rượu về say xỉn chửi mắng, đánh đập bà trước mặt hai con nhiều năm liền, bà không chịu được những trận đòn mà dẫn 02 con về nhà mẹ ruột sinh sống từ năm 2016 đến nay. Bà nghĩ rằng làm vậy để ông B thay đổi và suy nghĩ lại nhưng vẫn chứng nào tật nấy. Bà nhận thấy có nhiều sự bất đồng trong tính cách, lối sống và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay bà không còn tình cảm với ông B nên yêu cầu Tòa giải quyết cho bà được ly hôn với ông B.

Về con chung: bà và ông B có 02 con chung là Hồ Xuân P - sinh năm 2000 (đã trưởng thành) và Hồ Xuân N – sinh năm 2006. Bà có nguyện vọng được nuôi Hồ Xuân N và yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung 2.250.000 đồng/tháng.

Tài sản chung và nợ chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Trong bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị đơn – ông Hồ Xuân B trình bày:** Về thời gian kết hôn và con chung đúng như bà H đã trình bày. Ông thừa nhận trong quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn nhưng ông hối hận và có xin lỗi bà H. Nay bà H xin ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn vì ông còn thương vợ và muốn gia đình đoàn tụ. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông đồng ý để bà H nuôi con chung và đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của bà H 2.250.000 đồng/tháng.

Tài sản chung và nợ chung: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang phát biểu quan điểm tại phiên tòa:** Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền, có căn cứ, đúng pháp luật. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử thẩm tra, xem xét công khai tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án, xét mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về con chung: hiện tại cháu Hồ Xuân N đang ở cùng bà Trần Thị Ngọc H, nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho bà H nuôi dưỡng là phù hợp và đảm bảo lợi ích cho cháu, ông B cấp dưỡng nuôi con chung 2.250.000đ/tháng.

Bà H, ông B không yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: bà Trần Thị Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, ông Hồ Xuân B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét ý kiến trình bày của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Hồ Xuân B là bị đơn đang cư trú tại thành phố Nha Trang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bị đơn đã được Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do tại phiên họp kiểm tra việc công khai tiếp cận giao nộp chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị Ngọc H và ông Hồ Xuân B kết hôn năm 1999, đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân phường Phương S, Nha Trang, Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 108 ngày 28/12/1999 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Do đó, khi bà H có đơn yêu cầu ly hôn ông B thì Tòa án giải quyết theo thủ tục chung về ly hôn mà Luật Hôn nhân và Gia đình quy định.

Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn cho thấy tuy vợ chồng bà sống nhưng không có hạnh phúc, luôn xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, ông B còn có hành vi đánh đập bà sau mỗi lần uống rượu. Mặc dù hàng tháng ông B có đưa cho bà H từ 2.000.000đ đến 3.000.000đ nhưng ngược lại bà H phải chi tiền sinh hoạt hàng ngày cho ông B nên chi phí không đủ để bà nuôi con. Năm 2016 bà H đã đưa 02 con về nhà ngoại sinh sống để mong ông B thay đổi mà biết chăm lo cho gia đình. Nhưng từ thời gian đó đến nay, tính tình ông B vẫn như vậy nên bà quyết định làm đơn ly hôn. Ông B cũng thừa nhận giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng ông hối hận và có xin lỗi bà H.

Như vậy, mâu thuẫn giữa bà H và ông B là có thật, vợ chồng đã không sống chung với nhau từ năm 2016. Tuy nhiên, trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông B không đưa ra được các biện pháp để hàn gắn hạnh phúc gia đình, cho thấy cuộc hôn nhân giữa bà H và ông B không thể tiến triển tốt hơn.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà H và ông B là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu cứ tiếp tục duy trì cuộc sống gia đình thì cũng không đem lại hạnh phúc cho đôi bên. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà H là chính đáng, có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về con chung: Xét thấy cháu Hồ Xuân N hiện nay bà P đang trực tiếp nuôi dưỡng, nên Hội đồng xét xử có cơ sở để chấp nhận bà H được nuôi con chung. Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung 2.250.000đ/tháng của bà H và ý kiến đồng ý mức cấp dưỡng đó của ông B, Hội đồng xét xử xét thấy số tiền đó là phù hợp cho nhu cầu học tập và sinh hoạt hàng tháng của cháu nên có cơ sở để chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: bà H và ông B không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: bà Trần Thị Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, ông Hồ Xuân B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (án phí cấp dưỡng nuôi con) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

#### **1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.**

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc H được ly hôn với ông Hồ Xuân B.

Về con chung: Giao cháu Hồ Xuân Nhi – sinh năm 2006 cho bà Trần Thị Ngọc H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Hồ Xuân B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.250.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 9/2022 cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết ông B, bà H có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

**Quy định:** Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu bên phải thi hành không trả số tiền nêu trên thì phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**2. Về án phí:** bà Trần Thị Ngọc H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0000895 ngày 24/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Ông Hồ Văn B phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

**3. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Tp. Nha Trang;
- Chi cục THADS Tp. Nha Trang;
- UBND p. Phương S, Nha Trang (GCNKH số 108 ngày 28/12/1999);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Vũ Linh**